

Bản án số: 24/2018/HSST
Ngày 09/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Chung.
2. Ông Huỳnh Thanh Hùng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hứa Thoại Khương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2018, tại Ủy ban nhân dân xã P, thuộc xã P, huyện A, Tòa án nhân dân huyện A đưa ra xét xử sơ thẩm lưu động vụ án hình sự thụ lý số 23/2018/HSST ngày 24/5/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn U (Út Đ), sinh năm 1979, tại T, An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 1, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang; chỗ ở: Ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang. nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; Cha: Nguyễn Văn M (chết); Mẹ: Hồ Thị S (chết); anh chị em có 5 người, bị cáo là người thứ tư; vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1983; có 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2018.

- Tiền sự: Chưa.

- Tiền án:

+ Ngày 09/5/2012, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt vào ngày 10/6/2013.

+ Ngày 12/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt vào ngày 13/10/2014.

+ Ngày 30/7/2015, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang xử phạt 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt vào ngày 16/3/2017.

- Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/3/2018 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia phiên tòa:

Bị hại:

Trương Thị T1, sinh năm: 1963.

Cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang

La Minh L (L), sinh năm: 1981.

Cư trú: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị B, sinh năm 1955.

Cư trú: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Hồ Văn S, sinh năm: 1961.

Cư trú: Đường T, Khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1983.

Cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

Lâm Thị Cẩm N, sinh năm: 1984.

Cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Trần Văn T, sinh năm: 1981.

Cư trú: Ấp V, xã C, thị xã T, An Giang.

(Bà T1 có mặt; bà T2, ông L, bà B, ông S, bà N, ông T cùng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Văn U bị Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 31/3/2018, Nguyễn Văn U, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wayec Trung Quốc, biển số 67AL-008.09 từ xã Đ đến xã K, huyện A tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, bị cáo U dừng xe trước cửa tiệm tạp hóa của bà Trương Thị T1, ngụ ấp A, xã K, huyện A bị cáo U xuống xe quan sát thấy không thấy ai trông coi tiệm nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. Bị cáo U lén lút vào tiệm của bà T1 lấy trộm 04 thùng bia gồm: 01 thùng bia hiệu Heniken, 01 thùng bia hiệu Larue và 02 thùng bia hiệu Tiger rồi bị cáo U để lên xe mô tô của bị cáo rồi nổ máy xe chạy ra hướng Trung tâm thương mại xã K, bà T1 và chị Lâm Thị Cẩm N (con gái bà T1) phát hiện nên truy đuổi theo bị cáo, đồng thời điện thoại báo Công an xã K. Khi đến khu vực Trung tâm thương mại xã K thì bị cáo U bị lực lượng Công an xã và quần chúng nhân dân bắt giữ được bị cáo U cùng tang vật.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn U đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên. Ngoài ra, U còn khai nhận cũng với phương thức, thủ đoạn tương tự vào ngày 28/3/2018, U còn lén lút chiếm đoạt 02 thùng bia hiệu Heniken tại nhà của anh La Minh L, ngụ ấp T, thị trấn L, huyện A. Sau đó, bị cáo U đem 02 thùng bia này đến khu vực ấp A, thị trấn A bán lại cho một người phụ nữ lạ mặt đang đi trên đường với số tiền 400.000 đồng. Qua điều tra ban đầu xác định, Nguyễn Văn U có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích

Căn cứ các Kết luận về việc định giá tài sản số 19 cùng ngày 02/4/2018 và số 25 ngày 20/4/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định:

- 01 (một) thùng bia Heniken, có giá trị 380.000 đồng.
- 01 (một) thùng bia Larue, có giá trị 190.000 đồng.
- 02 (hai) thùng bia Tiger, có giá trị 560.000 đồng.
- 02 (hai) thùng bia Heniken, có giá trị 760.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản trên là: 1.890.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 23/VKS-HS ngày 23/5/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố Nguyễn Văn U về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo U đã khai nhận: Thừa nhận ngày 31/3/2018 đã lấy trộm 04 thùng bia của bà T1 gồm: 01 thùng bia nhãn hiệu Hêniken, 01 thùng bia nhãn hiệu Laru, 02 thùng bia nhãn hiệu Tige; thừa nhận ngày 28/3/2018 đã lấy trộm 02 thùng bia nhãn hiệu Hêniken tại một tiệm tạp hóa đối diện đồn biên phòng thị trấn L, bán lại cho một phụ nữ lạ mặt tại thị trấn A với giá 200.000 đồng/thùng.

Bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Bà là vợ bị cáo U. Ngày 28/3 và ngày 31/3/2018 bị cáo đi đâu, làm gì bà không biết. Chỉ nhớ trưa ngày 31/3/2018 thì bị cáo kêu bà đưa chìa khóa xe mô tô biển số 67AL-00809 để đi chợ. Chiều cùng ngày bà biết được bị cáo bị công an tạm giữ. Hiện nay bà đã nhận lại xe.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U với mức án từ 02 (hai) đến 03 (ba) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về biện pháp tư pháp, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng trong vụ án.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

Về thủ tục: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, tính tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó

các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về tố tụng: Chỉ có bà Nguyễn Thị T2 có mặt. Người bị hại Trương Thị T1, La Minh L, những người liên quan còn lại và những người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Xét, những người tham gia tố tụng vắng mặt đều đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai những người bị hại, những người liên quan, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: Bị cáo Nguyễn Văn U có 03 tiền án về tội rộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Đến ngày 28/3/2018 và ngày 31/3/2018, bị cáo U có hành vi lén lút lấy trộm 02 thùng bia của ông La Minh L và 04 thùng bia của bà Trương Thị T1, có tổng trị giá 1.890.000 đồng nên bị cáo U đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét về tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản công dân được pháp luật bảo vệ. Gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Bị cáo U là người khỏe mạnh bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ sức lao động để nuôi sống bản thân và gia đình đủ sức làm thuê kiếm sống. Với vai trò trụ cột trong gia đình, bị cáo phải chăm lo làm ăn lương thiện, nuôi dạy con cái để góp phần phát triển kinh tế gia đình nhưng vì muốn có tiền mà không phải lao động vất vả, bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản để tiêu xài, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bà T1, ông L được pháp luật hình sự bảo vệ. Tài sản thiệt hại chưa đủ định lượng để xử lý hình sự nhưng do bị cáo vừa ra tù về tội trộm cắp tài sản vào ngày 16/3/2017. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự 2015 thì bị cáo chưa xóa án tích tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Điều này chứng tỏ các bản án trước đây không đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người tốt nên cần phải có một hình phạt tương xứng cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nữa để bị cáo có đủ thời gian suy nghĩ về việc làm của mình.

Pháp luật hình sự của Nhà nước ta nghiêm cấm bất kỳ ai, ở cương vị nào nếu chiếm đoạt tài sản của tổ chức hoặc cá nhân người khác trái pháp luật thì đều bị xử theo quy định.

Xét về nhân thân và lượng hình: Bị cáo có nhân thân xấu, có 03 tiền án, chưa được xóa án tích. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự thú lần phạm tội ngày 28/3/2018. Bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo có 03 con, con nhỏ nhất sinh năm 2018, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Trương Thị T1 đã nhận tài tài sản, không yêu cầu thêm nên HĐXX không xem xét.

Ông La Minh L yêu cầu bị cáo bồi thường 02 thùng bia Hêniken trị giá 760.000 đồng, xét yêu cầu của ông L có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Buộc bị cáo nộp lại số tiền 400.000 đồng, số tiền này do bị cáo bán 02 thùng bia Hêniken cho người phụ nữ lạ mặt. Đây là tiền bị cáo có được do phạm tội nên HĐXX tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với vật chứng:

xe mô tô 67AL – 008.09, trong quá trình điều tra CQĐT xác minh xe này là tài sản của bà Nguyễn Thị T2. Việc bị cáo U dùng làm phương tiện để đi trộm tài sản người khác bà T2 không biết nên CQĐT đã trao trả lại xe mô tô cho bà T2. Xét thấy việc trao trả này đúng với quy định nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh dương; 01 (một) ao thun cổ tròn tay ngắn xanh nước biển; 01 (một) quần thun thể thao màu đen, viền sọc màu đỏ, đều đã qua sử dụng. Đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

Lẽ ra, bị cáo còn có thể bị phạt tiền nhưng xét bị cáo hiện đang có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn U phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s, điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn U 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bắt tạm giam 31/3/2018.

Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn U bồi thường cho ông La Minh L số tiền 760.000 đồng (bảy trăm sáu chục ngàn đồng).

Buộc bị cáo nộp 400.000 đồng U sung công quỹ nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn U: 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh dương; 01 (một) ao thun cổ tròn tay ngắn xanh nước biển; 01 (một) quần thun thể thao màu đen, viền sọc màu đỏ, đều đã qua sử dụng.

(Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 08/6/2018 giữa Công an huyện A và Chi cục thi hành án huyện A)

Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

Buộc bị cáo Nguyễn Văn U phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của những người vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Nhà tạm giữ;
- H/s N.Vụ CA
- Bị cáo;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Việt Quốc